

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 130/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**;

Trụ sở chính: **Tầng D, 5, tòa nhà S, số A, C, phường H, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phương Thành L** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Quốc Đ** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 01/01/1957 và bà **Đinh Thị R**, sinh ngày 01/01/1962;

Cùng địa chỉ: **Khóm T, phường B, tỉnh Cà Mau**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Đinh Thị R1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V** số tiền tính đến ngày 04/5/2026 là 458.129.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 110.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 00 đồng, nợ lãi quá hạn là 348.129.000 đồng.

- Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Đinh Thị R1** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V** tiền lãi nợ quá hạn trên số nợ gốc theo mức lãi suất

của hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính từ sau ngày 04/5/2026 đến khi thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Đinh Thị R1** không thanh toán nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**, Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất, thửa đất số 34, 35, tờ bản đồ số 13, diện tích 6.488m²; đất tại **Phường H, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 936571 do **Ủy ban nhân dân thị xã B**, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 23/4/2002 cho hộ ông **Ngô Văn B**, đã chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Văn T** ngày 27/11/2002.

+ Quyền sử dụng đất, thửa đất số 25, 26, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.831m²; đất tại **Phường H, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 936372 do **Ủy ban nhân dân thị xã B**, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 23/4/2002 cho hộ bà **Lý Thị T1**, đã chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Văn T** ngày 27/11/2002.

+ Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Đinh Thị R1** có trách nhiệm giao tài sản thế chấp để cơ quan có thẩm quyền tiến hành bán đấu giá theo quy định.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 800.000 đồng. Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Đinh Thị R1** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí số tiền là 800.000 đồng. **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V** đã nộp và chi xong; Ông **T**, bà **R1** có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng số tiền 800.000 đồng.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành quyết định của người được thi hành quyết định cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Đinh Thị R1** được miễn nộp án phí số tiền là 5.581.290 đồng.

Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Đinh Thị R1** tự nguyện nộp số tiền án phí là 5.581.290 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí. Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 11.401.000 đồng theo biên lai số 0001964 ngày 25 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành **án dân sự tỉnh C** được hoàn lại toàn bộ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

Lê Hồng Lam